

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ ABBANK 2025

Chú thích đánh dấu nội dung: ~~Nội dung được bỏ (các chữ bị gạch bỏ)~~ **Nội dung sửa đổi bổ sung (chữ in đậm nghiêng)**

Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý/lý do
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
MỤC 1:		
Điều 1. Giải thích từ ngữ j) <i>Người điều hành ABBANK</i> : bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của ABBANK. l) <i>Người có liên quan</i> : là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ABBANK với Công ty con của ABBANK và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các Công ty con của ABBANK với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của ABBANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; (ii). Công ty hoặc ABBANK đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc ABBANK hoặc với Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; (iii). Công ty hoặc ABBANK đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc ABBANK và ngược lại; (iv). Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này; (v). Công ty hoặc ABBANK đối với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp	Điều 1. Giải thích từ ngữ j) <i>Người điều hành ABBANK</i> : bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của ABBANK <i>(Chức danh Thành viên Ban Điều hành không tương đương với chức danh Phó Tổng Giám đốc).</i> l) <i>Người có liên quan</i> : là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; <i>Công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại;</i> ABBANK với Công ty con của ABBANK và ngược lại; <i>ABBANK với Công ty con của Công ty con của ABBANK và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; các Công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau</i> hoặc các công ty con của ABBANK với nhau; người quản lý, <i>kiểm soát viên</i> , thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của ABBANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; (ii). Công ty hoặc ABBANK đối với người quản lý, <i>kiểm soát viên</i> , thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc ABBANK hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; (iii). Công ty hoặc ABBANK đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc ABBANK và ngược lại;	Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024; Điều 4.24 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 và Điều 4.23 Luật Doanh nghiệp; Điều 4.46 Luật Chứng khoán.

vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc ABBANK và ngược lại; (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau. (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể. (viii). Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán. m) <i>Người nội bộ</i>: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí	(iv). Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ; cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ; anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột; (v). Công ty hoặc ABBANK đối với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc ABBANK và ngược lại; (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động thanh tra, giám sát; Định nghĩa “Người có liên quan” tại điểm này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các vấn đề khác không có quy định đặc thù của Luật Các tổ chức tín dụng thì áp dụng định nghĩa về người có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật. m) <i>Người nội bộ</i>: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật,	
---	---	--

nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.	Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; Trưởng Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.	
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 1. ABBANK có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho ABBANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của ABBANK, đại diện cho ABBANK với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. [Không có Khoản 4]	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 1. ABBANK có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác thay thế thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của ABBANK. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho ABBANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của ABBANK, đại diện cho ABBANK với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 4. ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của ABBANK trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật.	Khoản 3 Điều 11 Luật các TCTD 2024 và sửa đổi để chủ động công việc phù hợp với thực tế tại ABBANK
Điều 5. Nội dung hoạt động 1. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; 12. Phát hành [...] kỳ phiếu, tín phiếu [...] để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;	[Bỏ nội dung hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; Phát hành kỳ phiếu, tín phiếu do Luật Các TCTD không quy định các nội dung hoạt động này nữa. Đồng thời, các nội dung hoạt động được sắp xếp lại theo trật tự thống nhất với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng] Nội dung hoạt động cụ thể của ABBANK trong từng thời kỳ căn cứ Giấy phép được cấp, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và quy định của Ngân hàng Nhà nước.	Điều 107 đến 114 Luật Các TCTD; Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của NHNN cấp cho ABBANK

[Chưa quy định]

Điều 6. Ban hành quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ và việc tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát

- 1. Căn cứ vào quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan, ABBANK phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của ABBANK, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.*
- 2. ABBANK phải ban hành quy định nội bộ về các nội dung sau đây:*
 - a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;*
 - b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;*
 - c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;*
 - d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;*
 - e) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của ABBANK;*
 - f) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tổ chức tín dụng phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;*
 - g) Quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;*
 - h) Phòng, chống rửa tiền;*
 - i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.*

	3. ABBANK phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành. 4. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng là môi trường thử nghiệm việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng có giới hạn về phạm vi, không gian, thời gian thực hiện. Việc ABBANK tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng do Hội đồng Quản trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, trên cơ sở đáp ứng điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định chi tiết của Chính phủ.	
Điều 7. Hoạt động ngân hàng điện tử ABBANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh thông qua việc sử dụng nền tảng số, phương thức điện tử phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.	Điều 8. Giao dịch điện tử, an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục 1. Hoạt động giao dịch của ABBANK bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo đảm an toàn và bảo mật. 2. ABBANK phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.	Điều 14, Điều 105 và Điều 140 Luật Các TCTD 2024
Điều 8. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản 8. ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính ABBANK. 9. ABBANK không được kinh doanh bất động sản, trừ các hoạt động sau đây: a) Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của ABBANK;	Điều 9. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản 10. ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây: a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của ABBANK; b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của ABBANK.	Điều 111, Điều 137, Điều 139, Điều 142 và Khoản 3 Điều 144 Luật Các TCTD 2024

b) Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ABBANK chưa sử dụng hết; c) Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, ABBANK phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định phù hợp với quy định của pháp luật.	<i>c) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK không được mua cổ phần của ABBANK;</i> <i>d) ABBANK đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát, công ty con, công ty liên kết khác của công ty kiểm soát đó, trừ trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</i> 11. ABBANK không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây: a) Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của ABBANK; b) Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ABBANK chưa sử dụng hết; c) Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, ABBANK phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a Khoản này và bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định (tính theo giá trị còn lại của tài sản cố định) không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của ABBANK.	
---	--	--

CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Mục 2: CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 12. Giới hạn sở hữu cổ phần 1. Đối với nhà đầu tư trong nước: a) Một cổ đông cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK. b) Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, trừ các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu tại ABBANK khi ABBANK được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê	Điều 13. Giới hạn sở hữu cổ phần 1. Một cổ đông là cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. 2. Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. 3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK. Cổ	Điều 63 Luật Các TCTD 2024; Điều 139.1(b)(e) Nghị định 155/2020/NĐ-CP và tình hình thực tế của ABBANK.
---	--	---

duyet; sở hữu cổ phần của ABBANK tại các công ty con, công ty liên kết quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 103, Khoản 3 Điều 110 của Luật Các tổ chức tín dụng; (ii) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều này. c) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa <u>20% vốn điều lệ</u> của ABBANK, <u>trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này.</u> d) Cổ đông lớn của ABBANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. e) Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của ABBANK. 2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK là 24,6% vốn điều lệ ABBANK. Điều kiện, thủ tục mua bán cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định chung của pháp luật hiện hành. 3. Tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.	đồng lớn của ABBANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Khoản này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng. 4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Sở hữu cổ phần tại các công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng; b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 5 Điều này. c) Các trường hợp đặc biệt khi Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, sáp nhập, hợp nhất, chuyển giao bắt buộc quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 159, điểm h Khoản 1 Điều 171, Khoản 2 điều 177 và điểm b Khoản 1 Điều 185 Luật Các tổ chức tín dụng. d) Kể từ ngày 01/7/2024 (ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành), cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu. 5. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK là 16,5% vốn điều lệ ABBANK. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại ABBANK; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ABBANK thực hiện theo quy định chung của Chính phủ.	
--	--	--

Điều 13. Chào bán, phát hành cổ phần b) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông trong ABBANK, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác.	Điều 14. Chào bán, phát hành cổ phần 2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông trong ABBANK, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác. Việc chào bán, phát hành cổ phần phải bảo đảm tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều 12 Điều lệ này.	Điều 64 Luật TCTD
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần 3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: a) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; b) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại.	Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần 3. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.	Điều 37 Luật Các TCTD 2024
CHƯƠNG III TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK		
Mục 1: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 20. Hệ thống kiểm soát nội bộ 3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của ABBANK phải được Kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ. 4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả; tiến hành tổ chức kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định khác có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ.	Điều 21. Hệ thống kiểm soát nội bộ 3. Khi xét thấy cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu và ABBANK phải thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ. 4. ABBANK xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Khoản 3 Điều 57 Luật Các TCTD 2024

Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của ABBANK:
- a) Người chưa thành niên; ~~người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự~~ hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành ~~bản án, quyết định về hình sự~~ của Tòa án;
 - c) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - d) Người đã từng bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại ABBANK;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại ABBANK;
- ...
3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của ABBANK:
- a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

Điều 23. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của ABBANK:
- a) Người chưa thành niên; người ***có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi***; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành ***hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định***;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, ***của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát ABBANK theo yêu cầu nhiệm vụ***;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, ***của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK***;
- ...
3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của ABBANK:
- a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh

Điều 42 của Luật Các TCTD 2024

d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó; e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; f) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK; g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được là Tổng Giám đốc của ABBANK; h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng .	của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ; d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép; e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của ABBANK, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Điều lệ này; f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.	
Điều 23. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ 1. Thành viên Hội đồng Quản trị của ABBANK: a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK; b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng này là công ty con của ABBANK; c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại	Điều 24. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK: a) Không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK và của tổ chức tín dụng khác; b) Không được đồng thời là người quản lý của doanh nghiệp khác; 2. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của ABBANK: a) Không được đồng thời là người điều hành của ABBANK, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của ABBANK;	Điều 43 Luật Các TCTD 2024

quá 05 công ty khác; d) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK không được đồng thời là người điều hành của ABBANK và của tổ chức tín dụng khác. e) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác . 2. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK: a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, người điều hành, nhân viên của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK; hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó; b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại ABBANK; c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. 3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của ABBANK. Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc của ABBANK không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Chủ	b) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; c) Không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. 3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của ABBANK: a) Không được đồng thời là người điều hành của ABBANK; b) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác; c) Không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. 4. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt: a) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của ABBANK, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK; b) Không được đồng thời là nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó. 5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc ABBANK không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng Giám đốc ABBANK là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK.	
--	--	--

tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.		
Điều 28. Công khai các lợi ích có liên quan 1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK phải công khai với ABBANK các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc). c) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a và b Khoản này). 2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi, bổ sung thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin. 3. ABBANK phải công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK, trường hợp cần thiết có thể	Điều 29. Cung cấp, công bố công khai thông tin 1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của ABBANK phải cung cấp cho ABBANK các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc). c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin. d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin. e) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK phải cung cấp cho ABBANK các thông tin sau đây: a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày	Điều 48.7, Điều 49 Luật Các TCTD 2024, Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thông tư 09/2024/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN)

lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của ABBANK. 4. ABBANK phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều này . 5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ABBANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ABBANK. 6. ABBANK phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và những người có liên quan của những người này. Danh sách này phải được công khai trong toàn hệ thống ABBANK và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước. 7. ABBANK phải công khai trong hệ thống ABBANK và báo cáo cho: a) Đại hội đồng Cổ đông các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng phát sinh đến thời điểm lấy số liệu để họp Đại hội đồng cổ đông; b) Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng.	<i>cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</i> <i>b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều này;</i> <i>c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại ABBANK;</i> <i>d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại ABBANK.</i> 3. <i>Đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải gửi ABBANK bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</i> <i>Đối với thông tin tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho ABBANK khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK so với lần cung cấp lần trước.</i> 4. <i>ABBANK phải lưu giữ thông tin</i> quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của ABBANK và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin cung cấp. <i>Định kỳ hằng năm, ABBANK công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d Khoản 1 và các điểm a, c, d Khoản 2 Điều này với Đại hội đồng Cổ đông ABBANK.</i> 5. <i>ABBANK phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK và thông tin quy định tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của ABBANK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin cung cấp.</i> 6. <i>Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.</i> 7. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phải được công khai trong ABBANK.	
--	---	--

	ABBANK phải thực hiện báo cáo về việc cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng cho Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 8. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.	
Điều 29. Nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương có nghĩa vụ: - Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ABBANK, cổ đông ABBANK phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này với mức độ cần trọng cần thiết mà một người thông thường sẽ thực hiện khi ở vào ở vị trí, điều kiện và hoàn cảnh tương tự. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của ABBANK. - Trung thành với lợi ích của ABBANK; chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ABBANK; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ABBANK có được nhờ chức vụ của mình hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ABBANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của ABBANK, cổ đông. - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch với tổ chức hoặc cá nhân khác và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này và các quy định có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ABBANK hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ABBANK;	Điều 30. Nghĩa vụ tuân thủ, trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc ABBANK có nghĩa vụ: Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của ABBANK theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. - Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ABBANK, cổ đông ABBANK. - Trung thành với lợi ích của ABBANK; chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ABBANK. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ABBANK hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ABBANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của ABBANK, Cổ đông ABBANK. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của ABBANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ABBANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của ABBANK. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK theo quy định tại Khoản 6 Điều 28 Điều lệ này.	Điều 48 Luật các TCTD 2024; Điều 165 Luật Doanh nghiệp; Khoản 2 và 5 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. 6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của ABBANK trái quy định hoặc với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của ABBANK. 7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ABBANK bị lỗ. 8. Công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật. 9. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.	8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của ABBANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của ABBANK. 9. Không được tăng thù lao, lương, hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi ABBANK bị lỗ. 10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. 10. Thực hiện các nghĩa vụ, yêu cầu khác có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.	
Điều 31. — Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận 1. Ngoại trừ các trường hợp bị pháp luật cấm, các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận: a) Cổ đông lớn của ABBANK và những người có liên quan của họ; b) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK và những người có liên quan của họ; c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK và những người có liên quan của họ; d) Doanh nghiệp là công ty con, công ty liên kết của ABBANK; e) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK làm chủ, có sở hữu cổ phần, phân vốn góp hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;	Bỏ nội dung này vì các nội dung phê duyệt giao dịch với người liên quan được quy định cụ thể tại Điều 67.3(r) và Điều 70.9 Luật Các tổ chức tín dụng và đã được quy định tại Điều 38.17 và Điều 52.8 Điều lệ này. Cụ thể: Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông Đại hội đồng Cổ đông ABBANK có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK, trừ trường hợp ABBANK đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc. Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát,	Cấu trúc lại cho phù hợp với Điều 67.3(r) và Điều 70.9 Luật các TCTD 2024.

2. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này theo quy định cụ thể như sau: a) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm e Khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất. Hồ sơ trình Đại hội đồng Cổ đông phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. 3. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này theo quy định cụ thể sau đây: a) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này có giá trị tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm e Khoản 1 Điều này có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất và tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất. Hồ sơ trình Hội đồng Quản trị phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định chung về thời hạn thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết. 4. Trường hợp hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông	<i>cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK.</i> Các nội dung yêu cầu hồ sơ và trình tự giải quyết cụ thể sẽ được đưa vào Quy chế nội bộ về Quản trị ABBANK và/hoặc Quy chế Thông qua các quyết định của HĐQT	
---	--	--

hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, thì hợp đồng, giao dịch đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Những người tham gia ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho ABBANK các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. 5. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, ABBANK phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện; áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của ABBANK.		
Điều 34. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên còn có các quyền sau đây: a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của ABBANK; b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Trong trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền; c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ	Điều 34. Quyền của cổ đông 2. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyền khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.</i>	Sửa đổi theo Điều Điều 61 Luật TCTD 2024.

đồng, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của ABBANK; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.		
Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông 8. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, phương án chào bán cổ phần; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần theo đề xuất của Hội đồng Quản trị; 14. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ABBANK có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; 15. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với người nội bộ, người có liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Điều lệ này; 16. Quyết định thành lập công ty con; 17. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản; 18. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của ABBANK; 19. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của ABBANK, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; 20. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.	Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông 8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán, phát hành; 11. Thông qua phương án quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng; 14. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của ABBANK; 16. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; 17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, 18. thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK, trừ trường hợp ABBANK đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc 19. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK; 20. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng; 21. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của ABBANK.	Cấu trúc lại căn cứ theo Điều 67.3 Luật các TCTD 2024

Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên có thể được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Quản trị, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hằng năm của ABBANK; b) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị; c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định tài chính, kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát; d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK; b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại không đủ 2/3 (hai phần ba) so với số lượng thành viên của nhiệm kỳ hiện tại; c) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng. d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông	Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên 3. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b) Báo cáo kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hằng năm; c) Các Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; d) Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế; e) Báo cáo về thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã thực hiện và đề xuất cho năm kế hoạch tiếp theo; f) Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng; g) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. 4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK; b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng; c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng; d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.	Điều 67.1, 67.2 Luật các TCTD 2024; Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
--	--	---

sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong các trường hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan. e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK. ... 8. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành theo hình thức họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau kết nối qua hệ thống hội nghị truyền hình. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trong trường hợp tuân thủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về phòng tránh dịch bệnh hoặc trong các hoàn cảnh đặc biệt khác. Việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo các nguyên tắc sau: a) Việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của cổ đông phải được xác thực thông qua cách thức và phần mềm ứng dụng phù hợp; b) Khi hệ thống phần mềm ứng dụng để tổ chức cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử nhận diện và xác thực được các thông tin đăng nhập của cổ đông thì coi như Cổ đông đó đã tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp đó. c) Cổ đông tự chuẩn bị thiết bị máy tính cá nhân/thiết bị di động, đường truyền internet để thiết lập kết nối đăng ký, tham dự họp và bỏ phiếu điện tử; d) Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp trực tuyến đều có thể nghe người dự họp khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu với tất cả những người tham dự khác một cách đồng thời; e) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện trên lãnh thổ	Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK. ... 9. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành theo hình thức họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau kết nối qua hệ thống hội nghị truyền hình hoặc ứng dụng phần mềm được sử dụng. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (gọi tắt là họp trực tuyến) hoặc kết hợp giữa họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau và họp trực tuyến. Việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến do Hội đồng Quản trị quyết định và theo các nguyên tắc sau: a) Việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến của cổ đông phải được xác thực thông qua cách thức và phần mềm ứng dụng phù hợp; b) Khi hệ thống phần mềm ứng dụng để tổ chức cuộc họp trực tuyến nhận diện và xác thực được các thông tin đăng nhập của cổ đông thì coi như Cổ đông đó đã tham dự họp trực tuyến tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. c) Cổ đông tự chuẩn bị thiết bị máy tính cá nhân/thiết bị di động, đường truyền internet để thiết lập kết nối đăng ký, tham dự họp trực tuyến; d) Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp đều có thể nghe người dự họp khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu với tất cả những người tham dự khác một cách đồng thời; e) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà Chủ toạ tham dự	
--	---	--

Việt Nam. f) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến, đưới hình thức bỏ phiếu điện tử phù hợp với quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường. g) Quyền dự họp của cổ đông, việc lập danh sách cổ đông dự họp, chương trình nội dung, tài liệu, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức tiến hành họp và thông qua biểu quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến áp dụng tương tự quy định tại các Điều từ Điều 40 đến Điều 46 Điều lệ này. h) Phiếu biểu quyết của cổ đông bỏ phiếu điện tử được hệ thống ứng dụng thực hiện kiểm phiếu và tổng hợp tự động; đồng thời được trích xuất thành tệp dữ liệu để lưu trữ cùng dữ liệu danh sách cổ đông dự họp. i) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn đăng ký, tham dự cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm công bố thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	hợp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam; f) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phù hợp với quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường; g) Quyền dự họp của cổ đông, việc lập danh sách cổ đông dự họp, chương trình nội dung, tài liệu, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức tiến hành họp và thông qua biểu quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến áp dụng tương tự quy định tại các Điều từ Điều 40 đến Điều 46 Điều lệ này; h) Dữ liệu đăng ký dự họp và biểu quyết của cổ đông họp trực tuyến là một bộ phận của dữ liệu, tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; i) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn đăng ký, tham dự cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến khi công bố thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	
Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông d) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản. 3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp được thông qua theo quy định sau đây: a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 3 và Khoản 5 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành,	Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK. 3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp được thông qua theo quy định sau đây: a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 3 và Khoản 5 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với nội	Khoản 4 Điều 67 Luật Các TCTD 2024; Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020

đối với một số vấn đề sau : (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; (ii) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ABBANK có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. (iii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ ABBANK; (iv) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản; (v) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (vi) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý ABBANK;	<i>dung quy định tại các khoản 8, 16 và 18 Điều 38 Điều lệ này hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đối với nội dung quy định tại các khoản 8 và 16 Điều 38 Điều lệ này, cụ thể gồm các vấn đề sau đây:</i> (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; (ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK <i>mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định</i> có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (iii) Quyết định việc <i>chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý</i>, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	
Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu bảo đảm điều kiện tỷ lệ tối thiểu tương ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b Khoản 3, Khoản 5 Điều 46 Điều lệ này tùy theo nội dung vấn đề cần biểu quyết. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi: <i>a) Được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;</i> <i>b) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành đối với nội dung quy định tại các khoản 8 và 16 Điều 38 Điều lệ này, cụ thể gồm các vấn đề sau đây:</i> (i) <i>Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</i> (ii) <i>Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</i>	Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020

Mục 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

2. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 5 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. ~~Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đảm bảo quy định sau:~~
- ~~a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có 05 thành viên Hội đồng Quản trị;~~
- ~~b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;~~
- ~~c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.~~
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được ~~chiếm quá 1/3 (một phần ba)~~ tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ~~không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông~~ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn ~~60 ngày~~, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ABBANK phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định.
6. ~~Trường hợp cổ đông cá nhân nước ngoài hoặc đại diện của cổ đông tổ chức nước ngoài tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau đây:~~
- ~~a) Tuân thủ quy định về những trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ này;~~
- ~~b) Không giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị ABBANK.~~
- ...

...

Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

2. Hội đồng Quản trị ABBANK phải có tối thiểu 5 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể ***của từng nhiệm kỳ*** do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. ***Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ABBANK.***
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng ***không được vượt quá 02 thành viên*** Hội đồng quản trị ABBANK, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, ***bên nhận chuyển giao bắt buộc.***
5. Trường hợp Hội đồng quản trị ***có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này***, trong thời hạn ***90 ngày*** kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, ***trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.***
- 6. Hội đồng Quản trị được sử dụng con dấu, bộ máy, phương tiện của Ngân hàng; có thể thuê dịch vụ tư vấn bên ngoài (kể cả chuyên gia nước ngoài) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.***
- ...
9. Hội đồng Quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó:
- a) Hội đồng Quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quyết định nhiệm

Điều 50, 69 Luật Các TCTD 2024, điểm b Khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019, Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

8. Hội đồng Quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó: a) Hội đồng Quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; b) Tuỳ theo yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn, Hội đồng Quản trị thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban khác thuộc Hội đồng Quản trị ngoài 02 Ủy ban được quy định tại điểm a Khoản này.	vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; b) Tuỳ theo yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn, Hội đồng Quản trị thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban khác hoặc Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị ngoài 02 Ủy ban được quy định tại điểm a Khoản này.	
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị 1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này; c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này; d) Có bằng đại học trở lên; e) Có ít nhất 3 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 5 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 2. Đối với thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1 Điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện	Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị 1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này; b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; c) Có trình độ từ đại học trở lên; d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 3 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 5 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	Điều 41.1 và 41.2 Luật các TCTD 2024

sau: ... c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát ABBANK; d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK; ...	... c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát ABBANK; người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty con của ABBANK; d) Không phải là người đại diện sở hữu cổ phần tại ABBANK; không sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK; ... 3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Điều lệ này.	
Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của ABBANK. 2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 3. Quyết định cơ cấu tổ chức của ABBANK; quyết định việc thành lập, đóng cửa, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp và quyết định việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tới việc hoạt động của Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của ABBANK. 4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành khác hoặc chức danh khác theo quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành. 5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. 6. Cử người đại diện vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.	Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 38 Điều lệ này. 2. Quyết định cơ cấu tổ chức của ABBANK, việc thành lập, đóng cửa, chấm dứt hoạt động, thay đổi nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ABBANK. 3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác hoặc chức danh khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị. 4. Cử người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. 5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. 6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cổ định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá	Điều 63 Luật Các TCTD 2024

7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, có giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất ~~trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động của ABBANK~~, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 31 Điều lệ này; quy định việc phân cấp, phân quyền hạn mức phê duyệt cho các cấp dưới đối với các giao dịch đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
8. Thông qua việc phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi); Quyết định các giao dịch ABBANK đi vay và các giao dịch khác (trừ giao dịch đi vay liên ngân hàng) có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và quy định việc phân cấp, phân quyền cho các cấp dưới quyết định các giao dịch vay và các giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
9. ~~Quyết định các hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ này.~~
10. Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tại ABBANK trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
11. Phê duyệt cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng ; cấp tín dụng cho người điều hành, các chức danh quản lý khác và những người có liên quan của những người này trừ các trường hợp không được cấp tín dụng quy định tại Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng ; quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 15 Điều 38 Điều lệ này .
12. ~~Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua để kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK. Trường hợp Hội đồng Quản trị gia hạn tổ chức cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông sau 4 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì Hội đồng Quản~~

trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ **khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định** thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 31 và các khoản 16 và 17 Điều 38 Điều lệ này; Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt cho các cấp dưới đối với các giao dịch đầu tư, mua, bán tài sản cố định có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. **Thông qua việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan của Thống đốc ngân hàng Nhà nước ; Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tại ABBANK trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.**
8. **Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK.**
9. **Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của ABBANK.** Thông qua việc phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi); Quyết định các giao dịch ABBANK đi vay (trừ giao dịch đi vay liên ngân hàng) có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và **quy định việc phân cấp, phân quyền cho các cấp**

trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập sau đó trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn quyết định này. 13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc. 14. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua và ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Ban hành các Quy chế, quy định nội bộ khác phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này . 15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ABBANK. 16. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên. 17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. 18. Trình Thông đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật. 19. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản. 20. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. 21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ABBANK. 22. Quyết định mua lại cổ phần của ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan. 23. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông. 24. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. 25. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. 26. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. 27. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết,	dưới quyết định các giao dịch vay và các giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. 10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc. 11. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua; Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của ABBANK phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. 12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ABBANK. 13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của ABBANK. 14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. 15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ABBANK. 16. Quyết định mua lại cổ phần của ABBANK theo phương án được duyệt. 17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. 18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. 19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. 20. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. 21. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh	
---	---	--

quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị. 28. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. 29. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; 30. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. 31. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên về thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 32. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK. 33. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. 22. <i>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> 23. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; bảm bảo hoạt động của Hội đồng Quản trị được đánh giá và báo cáo Đại hội đồng cổ đông hàng năm theo quy định của Điều lệ này và pháp luật; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét; g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị; giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này; h) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng Cổ đông;	Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; <i>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</i> b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) <i>Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.</i> d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; g) Đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét; h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị; i) Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công; j) <i>Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực</i>	Điều 71 Luật các TCTD 2024.

Hội đồng Quản trị giao hoặc uỷ quyền theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; nghị quyết hoặc quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành; i) Bảo đảm các thành viên của Hội đồng Quản trị tham gia vào các chương trình đào tạo kỹ năng quản trị doanh nghiệp khi cần thiết; j) Giải quyết các tranh chấp nội bộ theo Điều lệ này; k) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của người quản lý và điều hành của Ngân hàng được đánh giá định kỳ; l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.	hiện nhiệm vụ; k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này; l) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị 1. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị: a) Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; b) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của ABBANK và phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của ABBANK và cổ đông ABBANK; c) Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ABBANK, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo; d) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị; thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp là người có liên quan không được biểu quyết theo quy định của Điều lệ này. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình; e) Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; f) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu; g) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác có liên quan;	Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; 2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ABBANK và cổ đông ABBANK; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; 3. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ABBANK, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo; 4. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị liên quan trong Ngân hàng nhằm thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị được phân công, phù hợp với quy định của Hội đồng Quản trị. 5. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường. 6. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và	Điều 72 Luật các TCTD 2024

h) Báo cáo, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của ABBANK theo quy định của pháp luật; i) Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan. 2. Quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị: a) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị; b) Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này; c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này; d) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc những người quản lý khác của ABBANK cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ABBANK và của các đơn vị trong ABBANK. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị ; e) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.	trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình. <i>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết;</i> <i>7. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13 và 17 Điều 52 Điều lệ này; đối với các nội dung khác thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.</i> 8. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; 9. Giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu; 10. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Đối với vấn đề mà thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan hoặc là người liên quan hoặc nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không có quyền biểu quyết; đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên khác của Hội đồng Quản trị để tham gia biểu quyết vấn đề đó. 2. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp	Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết, <i>trừ trường hợp thành viên không có quyền biểu quyết về vấn đề đó.</i> 2. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước). 3. <i>Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quy định cụ thể việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị trên cơ sở</i>	Áp dụng thống nhất quy định về thông qua quyết định của HĐQT tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp

Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước). 3. Quyết định của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây được thông qua nếu được tất cả các thành viên có quyền biểu quyết tán thành: a) Thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với bất cứ bên liên quan nào theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ này, trừ các hợp đồng nhỏ có thời hạn dưới 1 (một) năm và được thoả thuận trên cơ sở bình đẳng theo các điều kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết; b) Thông qua sửa đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của ABBANK (đã được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh khi cần); c) Phê duyệt nghĩa vụ thanh toán ngoại lệ so với các quy định trong kinh doanh của ABBANK mà không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này đối với nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hay phương thức khác có tổng giá trị vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng vốn chủ sở hữu của ABBANK trong năm tài chính đó; d) Huỷ bỏ việc lựa chọn hoặc thay thế tổ chức kiểm toán độc lập theo phân quyền, uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông.	<i>tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i>	
Điều 56 Thể thức họp Hội đồng Quản trị 4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp trực tiếp với sự có mặt của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc hình thức họp trực tuyến. Trường hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây:	Điều 56 Thể thức họp Hội đồng Quản trị 4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp theo <i>hình thức họp mặt trực tiếp hoặc hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên</i>. Trường hợp họp trực tuyến <i>hoặc kết hợp</i>	

a) Cuộc họp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. b) Cuộc họp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó. d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện. e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp theo quy định sau khi cuộc họp trực tuyến kết thúc. 5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Trường hợp họp gấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp 01 (một)	trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây: a) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. b) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó. d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện. e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp sau khi cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến kết thúc.	
--	---	--

ngày làm việc trước ngày họp sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. ... 8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận	5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. <i>Người triệu tập họp có thể thông báo mời họp không theo thời hạn quy định thông thường ở trên trong các trường hợp cần quyết định gấp của Hội đồng Quản trị, sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.</i> <i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.</i> ... 8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, <i>trừ các trường hợp không được phép ủy quyền quy định tại Khoản 6 Điều 54 Điều lệ này.</i>	
---	---	--

MỤC 4: BAN KIỂM SOÁT

Điều 59. Ban Kiểm soát

- ~~Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động ABBANK nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ABBANK.~~ Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- ~~Ban Kiểm soát của ABBANK có **tối thiểu 3 thành viên, tối đa 5 thành viên**; trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại ABBANK hoặc doanh nghiệp khác.~~ Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban. ~~Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên làm việc thường xuyên tại ABBANK giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công.~~
- ~~Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát **không đủ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên** do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn **60 (sáu mươi) ngày**, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ABBANK phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.~~
- Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
 - ~~Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;~~
 - Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này;
 - Có đạo đức nghề nghiệp ~~trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này;~~
 - Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
 - ~~Không được giữ các chức vụ quản lý tại ABBANK;~~

Điều 59. Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- Ban Kiểm soát của ABBANK có **tối thiểu 5 (năm) thành viên**. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.
- Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên **ít hơn số thành viên tối thiểu** quy định tại Khoản này, trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, **trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.**
- Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát :
 - Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - Có đạo đức nghề nghiệp **theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;**
 - Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - Có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - Không phải là người có liên quan của người quản lý ABBANK;
 - Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ABBANK; Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK trong 3 (ba) năm liền trước đó ;
 - Trưởng Ban Kiểm soát** phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - Thành viên Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.**

Điều 51, Điều 52 Luật các TCTD 2024; Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 37 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

f) Không phải là người có liên quan, người có quan hệ gia đình của người quản lý ABBANK; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của ABBANK; g) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; h) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ABBANK; i) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK trong 3 (ba) năm liền trước đó.		
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK trong việc quản trị, điều hành ABBANK; giám sát tình hình tài chính của ABBANK. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của ABBANK, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. 3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo. 4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của ABBANK; chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 5. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ABBANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành ABBANK trong việc <i>tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị ABBANK</i>; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao <i>theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.</i> 2. <i>Ban hành</i> Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành quy định nội bộ khác của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ về kế toán, báo cáo. 3. <i>Tổ chức thực hiện</i> kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành ABBANK <i>có quyền sử dụng các nguồn lực của ABBANK để thực hiện nhiệm vụ được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài quyền để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.</i> 4. <i>Giám sát thực trạng tài chính</i>, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ABBANK; báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, đầy đủ, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông. 5. <i>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của ABBANK thuộc</i>	Điều 52 Luật các TCTD 2024.

6. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ABBANK, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, đầy đủ, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông. 7. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của ABBANK, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông. 8. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của ABBANK. 9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ ABBANK của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 10. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	<i>thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hàng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.</i> 6. Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng. 7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây: a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. 8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành ABBANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của ABBANK, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). 9. Lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc ABBANK, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này. 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của ABBANK. 13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy	
--	---	--

13. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của ABBANK. 14. Định kỳ hàng năm, Ban Kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. 15. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng Quản trị. 16. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động của ABBANK. 17. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ABBANK. 18. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông. 19. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật. 20. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của ABBANK lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ABBANK trong giờ làm việc. 21. Có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ABBANK. 22. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.	<i>định của Luật Các tổ chức tín dụng.</i> <i>14. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK.</i> 15. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. 16. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và tham vấn Chủ tịch Hội đồng Quản trị. 17. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật. 18. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.	
Điều 64. Cuộc họp Ban Kiểm soát và việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát 1. Cuộc họp: a) Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tiến hành dưới hình thức họp mặt trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất	Điều 64. Cuộc họp Ban Kiểm soát và việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát 1. Cuộc họp Ban Kiểm soát: a) Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tiến hành dưới hình thức họp mặt trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến <i>hoặc kết</i>	

thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. f) Biểu quyết: Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.	<i>hợp hai hình thức hợp trên</i>. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. f) Biểu quyết: Mỗi thành viên Ban Kiểm soát <i>có quyền biểu quyết</i> sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên <i>đó</i> không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện biểu quyết thay.	
MỤC 5: TỔNG GIÁM ĐỐC		
Điều 65. Tổng Giám đốc 1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của ABBANK do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê. 2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của ABBANK và thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này; c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này; d) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; e) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc	Điều 65. Tổng Giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm. 2. Tổng Giám đốc <i>là người điều hành cao nhất của ABBANK</i>, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. 3. <i>Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.</i> 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc : a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này; b) Có đạo đức nghề nghiệp <i>theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</i> c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <i>kế toán, kiểm toán;</i> d) <i>Có một trong các điều kiện sau đây:</i> có ít nhất 5 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 5 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó	Điều 55, 56 Luật các TCTD 2024; Điều 162.1 và 162.2 Luật Doanh nghiệp 2020

có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. f) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. 4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.	giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. <i>f) Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này.</i> 5. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.	
Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 1. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của ABBANK mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của ABBANK; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của ABBANK; e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành tại ABBANK, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ; f) Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong ABBANK theo thẩm quyền; g) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; h) Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác; i) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các	Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 1. Tổng Giám đốc có các quyền, nghĩa vụ sau đây: a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của ABBANK; c) Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả; d) Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác; e) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý. f) Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của ABBANK; g) Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị; h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của ABBANK; i) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK <i>trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định</i>	Điều 56 Luật các TCTD 2024, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp 2020

quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo; j) Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; k) Thành lập và ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO), Hội đồng quản lý vốn để đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, hạn mức rủi ro, quản lý tài sản, nợ/có, đánh giá mức độ đủ vốn và thực hiện các trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này; l) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp; m) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của ABBANK nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền; n) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này; o) Ký kết hợp đồng nhân danh ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ về phân quyền, ủy quyền có liên quan; p) Chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; q) Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị.	<i>theo thẩm quyền;</i> j) Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường; k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của ABBANK, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; l) Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh ABBANK theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK; m) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của ABBANK; n) Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền; o) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý 3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật	Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý 3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con của ABBANK: a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ <i>theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 23 Điều lệ</i>	Điều 41.5 Luật Các TCTD 2024

Doanh nghiệp; b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này; c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này; d) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp: - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm. e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	<i>này, tùy theo chức danh bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này;</i> b) Có một trong các điều kiện sau đây: - Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; - Có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. <i>d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.</i>	
CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO		
Mục 1: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	Mục 1: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN	
Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính 1. Chế độ tài chính của ABBANK thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác liên quan.	Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính <i>1. ABBANK tự chủ về tài chính.</i> 2. Chế độ tài chính của ABBANK được thực hiện theo quy định của <i>Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> <i>3. ABBANK thực hiện các quy định chi tiết về chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận theo quy định của Chính phủ.</i>	Điều 149.1, Điều 151 Luật Các TCTD 2024

Điều 71. Hệ thống kế toán 1. ABBANK sử dụng Hệ thống kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan. 2. ABBANK lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Sổ sách kế toán được lập theo loại hình kinh doanh; các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch. 3. ABBANK sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng ngoại tệ thì việc sử dụng đơn vị tiền tệ là ngoại tệ trong kế toán tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 71. Hạch toán kế toán <i>ABBANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.</i>	Điều 150 Luật Các TCTD 2024
Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên 1. ABBANK lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. ABBANK phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. ABBANK công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên 1. ABBANK phải <i>thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin</i> theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, <i>điều tra thống kê.</i> 2. ABBANK phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. <i>Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính,</i> ABBANK công bố báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật, <i>trừ trường hợp đang được kiểm soát đặc biệt.</i>	Điều 152.1, Điều 154 Luật Các TCTD 2024; Điều 55, 56 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 73. Kiểm toán độc lập 1. <u>Hàng năm</u>, Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK; đồng thời báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định chọn. 2. Trường hợp Hội đồng Quản trị gia hạn cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông sau 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì Hội đồng Quản trị có quyền quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính của ABBANK. Tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Thuộc nhóm các tổ chức kiểm toán uy tín quốc tế (Big4): Công ty TNHH KPMG (KPMG), Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Điều 73. Kiểm toán độc lập 1. <i>Trước khi kết thúc năm tài chính</i>, Đại hội đồng Cổ đông <i>phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước</i> và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này để kiểm toán báo cáo tài chính <i>và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.</i> 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. 3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của ABBANK. 4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài	Điều 59, Điều 67.3 (t) Luật các TCTD 2024; Điều 57 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

(DELOITTE), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), Công ty TNHH PWC (VIỆT NAM) – PWC; b) Thuộc danh sách được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định hiện hành của pháp luật; c) Không thuộc trường hợp đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK quá 5 năm liên tục. Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán trong trường hợp này. 3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của ABBANK. 4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK. 5. ABBANK phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập. 6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của ABBANK được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.	chính của ABBANK được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK.	
---	---	--

Điều 74. Sử dụng vốn và bảo đảm tỷ lệ an toàn 1. ABBANK được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật. 2. ABBANK được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật. 3. ABBANK được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty con. 4. Trong quá trình hoạt động, ABBANK phải duy trì và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 5. ABBANK phải dự phòng rủi ro trong hoạt động. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động. 6. Việc phân loại tài sản cố, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. 7. Trong trường hợp ABBANK thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của ABBANK.	Điều 74. Sử dụng vốn, bảo đảm tỷ lệ an toàn và dự phòng rủi ro 1. <i>Vốn của ABBANK bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.</i> ABBANK được sử dụng vốn để kinh doanh <i>theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng</i> và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. ABBANK được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, <i>bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của ABBANK.</i> 3. ABBANK phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây theo quy định cụ thể của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: <i>a) Tỷ lệ khả năng chi trả;</i> <i>b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 08% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;</i> <i>c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</i> <i>d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</i> <i>e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.</i> 4. ABBANK phải dự phòng rủi ro trong hoạt động. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động. 5. <i>Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của ABBANK thực hiện theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp đặc biệt việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</i> 6. <i>Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ.</i> Trong trường hợp ABBANK thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được hạch toán vào doanh thu của ABBANK.	Điều 138, Điều 144, Điều 147 Luật Các TCTD 2024
--	--	--

Mục 2: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 75. Trích lập các quỹ 1. ABBANK trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; b) Quỹ dự phòng tài chính; c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi; d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. 2. Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định cụ thể mức trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trên cơ sở quy định của pháp luật và tình hình thực tế của ABBANK. Việc sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK.	Điều 75. Trích lập các quỹ 1. Hàng năm, ABBANK phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích lập hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của ABBANK; b) Quỹ dự phòng tài chính; c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi; d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật. 2. ABBANK quản lý và sử dụng các quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK.	Điều 148 Luật Các TCTD 2024
Điều 76. Chia cổ tức 1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc chia cổ tức và mức cổ tức được chia trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. 2. ABBANK chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau: a) Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ bắt buộc và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;	Điều 76. Chia cổ tức 1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc chia cổ tức và mức cổ tức được chia trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. 2. ABBANK trả cổ tức cho cổ đông bảo đảm các điều kiện sau: a) Đã bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; b) Đã trích lập các quỹ bắt buộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; c) Không thuộc các trường hợp không được trả cổ tức, trả cổ tức bằng tiền mặt (trong trường hợp trả cổ tức bằng tiền) theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 157; điểm a Khoản 1 Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng; 4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.	Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2020 ; điểm a Khoản 2 Điều 157 và điểm a Khoản 1 Điều 191 Luật Các TCTD 2024

Mục 3: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin 2. ABBANK được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước. 3. Cán bộ, nhân viên của ABBANK và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật nhà nước và bí mật kinh doanh của ABBANK mà mình biết. 4. ABBANK phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến khách hàng, được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về việc cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản và các giao dịch của khách hàng tại ABBANK, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.	Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin 2. <i>ABBANK được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i> ABBANK được trao đổi với các tổ chức tín dụng khác, <i>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> thông tin về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 3. <i>Khi thực hiện giao dịch với ABBANK, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.</i> 4. <i>Người quản lý, người điều hành,</i> nhân viên của ABBANK không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của ABBANK. 5. ABBANK phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của ABBANK <i>theo quy định của Chính phủ.</i> ABBANK không cung cấp thông tin khách hàng của ABBANK cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.	Điều 12 và Điều 13 Luật các TCTD 2024.
Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin 1. ABBANK phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo đúng quy định của pháp luật.	Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin 1. <i>ABBANK có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i> 2. ABBANK phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khác theo quy định của pháp luật.	

CHƯƠNG V:
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 81. Tổ chức lại 1. Việc tổ chức lại ABBANK theo các hình thức chia, tách, hợp nhất,	Điều 81. Tổ chức lại 1. Việc tổ chức lại ABBANK dưới hình thức chia, tách, hợp nhất,	Điều 201 Luật Các TCTD 2024; các điều
---	---	--

sáp nhập, chuyển đổi hoặc các hình thức khác được thực hiện theo các quy định của pháp luật. 2. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc tổ chức lại ABBANK.	sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, pháp luật.	từ Điều 198 đến Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 82. Giải thể 1. ABBANK bị giải thể trong các trường hợp sau: d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc thanh lý khi giải thể ABBANK thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.	Điều 82. Giải thể 1. ABBANK bị giải thể trong các trường hợp sau: d) Được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ. 2. Việc thanh lý tài sản khi giải thể được thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.	Điều 154 Luật Các TCTD 2024; các điều từ Điều 201 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt 1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, ABBANK phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước. 2. ABBANK được Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm và phải thực hiện các phương án khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng. 3. ABBANK được Ngân hàng Nhà nước xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong những trường hợp sau: a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả; b) Mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán; c) Số lỗ lũy kế của ABBANK lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; d) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục; e) Hai (02) năm liên tục bị xếp hạng yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 4. Việc áp dụng can thiệp sớm, thực hiện kiểm soát đặc biệt thực hiện	Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt 1. Các trường hợp can thiệp sớm và trách nhiệm của ABBANK trong trường hợp được can thiệp sớm thực hiện theo quy định tại Chương IX (từ Điều 156 đến Điều 161) Luật Các tổ chức tín dụng. 2. Các trường hợp được kiểm soát đặc biệt và trách nhiệm của ABBANK trong trường hợp được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Chương X (từ Điều 162 đến Điều 190) Luật Các tổ chức tín dụng.	Chương X từ Điều 156 đến Điều 190 Luật Các TCTD 2024

theo quy định tại Điều 130a, Điều 145a Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, ABBANK có thể được Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc các tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt theo quy định tại Điều 146d Luật Các tổ chức tín dụng. 5. Trường hợp ABBANK được kiểm soát đặc biệt, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông của ABBANK có trách nhiệm sau đây: a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt. b) Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt. c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a của Luật Các tổ chức tín dụng. d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b của Luật Các tổ chức tín dụng. e) Đồng thời, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của ABBANK, bảo đảm an toàn tài sản của ABBANK. 6. Việc kiểm soát đặc biệt ABBANK được Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt thuộc một trong trường hợp sau: a) ABBANK khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng; b) Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, ABBANK được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể; c) Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản.		
Điều 84. Phá sản Việc phá sản ABBANK thực hiện theo qui định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.	Điều 84. Phá sản <i>Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà ABBANK vẫn mất khả năng thanh toán thì ABBANK phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Việc phá sản ABBANK được thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật về phá sản.</i>	Điều 203 Luật Các TCTD 2024

Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ 4. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, trừ trường hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin tại Điều lệ này theo đúng nội dung sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp cho ABBANK khi có phát sinh sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thực hiện, xác nhận, công bố và báo cáo Ngân hàng Nhà nước, cơ quan quản lý theo quy định hiện hành và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ vào bản Điều lệ này mỗi khi phát sinh.	Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ 3. Các trường hợp được quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng về điều khoản chuyển tiếp thì thực hiện theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng. 4. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, trừ trường hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin tại Điều lệ này theo đúng nội dung sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp cho ABBANK khi có phát sinh sẽ do Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thực hiện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước, cơ quan quản lý theo quy định hiện hành và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật của ABBANK chịu trách nhiệm hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ vào bản Điều lệ này mỗi khi phát sinh.	
Ngoài các nội dung trên, dự thảo Điều lệ (sửa đổi) được rà soát, tu chỉnh về kỹ thuật, diễn đạt và/hoặc sắp xếp lại các nội dung quy định cho đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024.		